TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN DŨNG** TỈNH BẮC GIANG Bản án số:34/2018/HNGĐ-ST Ngày 26/7/2018. V/v: Hôn nhân gia đình.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Thịnh và bà Đinh Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc Hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXX- ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1982; *(Có mặt)*
STQ: Thôn P, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; *(Vắng mặt)*
STQ: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Toà án nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L người thôn C, xã Đ kết hôn tháng 1 năm 2012, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Sau khi cưới chị L về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và chưa có con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng 1 năm tính từ ngày cưới. Nguyên nhân là do chung sống sau khoảng 1 năm mà không có con, từ đó thường xảy ra cãi nhau từ những việc sinh hoạt thường ngày, không ai chịu nhường nhịn ai, tình cảm vợ chồng ngày càng xa lánh. Đến tháng 01/2013 do xảy ra mâu thuẫn nên chị L đã bỏ về gia đình đẻ ở, sau khi chị L bỏ về anh cùng gia đình nhiều lần hàn gắn tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị L không về, vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau việc ai người đó làm. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc quay về chung sống đoàn tụ là không thể. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị

L.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, do vậy không không đặt thành yêu cầu giải quyết

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Do không có gì vướng mắc nên anh không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Phía chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án cũng như Tòa án cùng chính quyền địa phương đến nơi cư trú nhưng chị L không đến Tòa án làm việc nên không thể tiến hành ghi lời khai của chị L được.

Tại phiên Tòa anh Vũ Văn T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại khoản 1 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203, Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các điều 70 và điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các điều 70 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Vũ Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Không giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 05/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Nguyễn Thị L, yêu cầu chị L đến trụ sở Tòa án làm việc

nhưng chị L không đến Tòa án làm việc và không có lý do chính đáng, Tòa án cũng đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến nơi cư trú của chị L để làm việc nhưng cũng không làm việc được với chị L. Bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ của chị L cho biết: Chị L đi làm công ty ở xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, các giấy tờ Tòa án giao cho chị L đều do bà V nhận, bà đã giao, thông báo cho chị L nên việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh T và chị L, chị L đều được biết. Do vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử khi chưa tiến hành lấy lời khai cũng như lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và làm thủ tục hòa giải giữa các đương sự là có căn cứ. Tòa án tống đạt hợp lệ và niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với chị L, phía gia đình chị L xác nhận đã giao và thông báo thời gian, địa điểm mở phiên tòa cho chị L biết. Ngày 05/7/2018 Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhưng chị L vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời giao cho gia đình chị L, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[2] Do việc chị L không đến tòa án làm việc nên không thể tiến hành ghi được lời khai của chị L, tuy nhiên qua kết quả điều tra xác minh với chính quyền địa phương và lời khai của gia đình chị L thì thấy:

Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau vào tháng 01 năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân ly hôn là do xuất phát từ việc vợ chồng chậm có con nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, bởi vậy vợ chồng thường bất đồng quan điểm từ những việc sinh hoạt cuộc sống thường ngày cũng như quan điểm sống, nên chị L đã về nhà đẻ sống từ tháng 01/2013, anh T cùng gia đình cũng đã hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L. Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân nhau từ tháng 01/2013 cho đến nay không còn liên hệ gì với nhau. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu ly hôn của Vũ Văn T là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Con chung: Vợ chồng chưa có con chung do vậy không đặt thành yêu cầu giải quyết.

[4] Tài sản chung, vay nợ, ruộng đất: Không có gì vướng mắc nên anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyề kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28, điều 227, khoản 3 điều 228, 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

- Con chung: Không giải quyết.

- Tài sản, vay nợ, công sức, ruộng đất: Không giải quyết.

- Án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. xác nhận anh Vũ Văn T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí tại biên lai số: AA/2017/0001600 ngày 05/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Q;
- Các đương sư;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.